PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bài 42: QUẦN THỂ SINH VẬT

Họ và tên: ..... Lớp: ..... Ngày: .....

MỤC TIÊU

Nhận biết khái niệm quần thể sinh vật và các đặc trưng cơ bản của quần thể.

CÂU 1. ĐÚNG – SAI

Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng (Đ) hay Sai (S).

STT	Phát biểu	Đ/S
1	Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài, sống trong một khoảng không gian xác định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.	
2	Tất cả các cá thể cùng loài sống ở mọi nơi trên Trái Đất đều được xem là một quần thể.	
3	Mật độ quần thể là số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hoặc thể tích của quần thể.	
4	Kích thước của quần thể là số lượng cá thể của quần thể tại một thời điểm xác định.	

CÂU 2. ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể (1) ....., cùng sống trong một (2) ..... xác định, vào một thời điểm nhất định và có khả năng (3) ..... tạo thành những thế hệ mới.



CÂU 3. NỐI ĐÁP ÁN

Nối các đặc trưng của quần thể ở cột A với nội dung phù hợp ở cột B.

CỘT A	CỘT B
1. Mật độ quần thể	A. Tỉ lệ giữa số cá thể đực và số cá thể cái
2. Tỉ lệ giới tính	B. Số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hoặc thể tích
3. Thành phần nhóm tuổi	C. Tỉ lệ các nhóm tuổi khác nhau trong quần thể
4. Kích thước quần thể	D. Số lượng cá thể của quần thể

CÂU 4. KÉO – THẢ

Kéo các yếu tố vào nhóm thích hợp.

Mật độ quần thể | Tỉ lệ giới tính | Thành phần nhóm tuổi | Kích thước quần thể

	NỘI DUNG	KÉO ĐÁP ÁN VÀO ĐÂY
	Số lượng cá thể	
	Số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích/thể tích	
	Tỉ lệ cá thể đực và cá thể cái	
	Tỉ lệ cá thể ở các nhóm tuổi khác nhau	

GHI NHỚ

Quần thể sinh vật có các đặc trưng cơ bản: kích thước, mật độ, tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi. Những đặc trưng này giúp quần thể tồn tại và phát triển ổn định trong môi trường sống.

LIVEWORKSHEETS